

Số: 240/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 290/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1965, CCCD số 049065014251. Địa chỉ: **thôn P, xã P, thành phố Đà Nẵng**.

- Bị đơn: bà **Bùi Thị Bích P**, sinh năm 1967, CCCD số 049167013140. Địa chỉ: **thôn P, xã P, thành phố Đà Nẵng**.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông **Nguyễn Văn T** và bà **Bùi Thị Bích P**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông **Nguyễn Văn T** và bà **Bùi Thị Bích P** thống nhất vợ chồng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông **Nguyễn Văn T** và bà **Bùi Thị Bích P** có 01 con chung là **Nguyễn Bùi Ánh D**, sinh ngày 29/7/2013. Ông **T** và bà **P** thống nhất giao con chung cho bà **Bùi Thị Bích P** chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **D** trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Ông **T** không cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Nguyễn Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: ông **Nguyễn Văn T** được miễn án phí hôn nhân gia đình; bà **Bùi Thị Bích P** phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 11, TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 11- Đà Nẵng;
- UBND xã Phú Thuận, TP Đà Nẵng (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 40/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhân